

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 289 /UBND-NV

Tuy Phước, ngày 03 tháng 5 năm 2013

V/v báo cáo thống kê đội ngũ
cán bộ, công chức năm 2012

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, ban huyện;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức;

Thực hiện Công văn số 460/SNV-CBCC ngày 24/4/2013 của Sở Nội vụ tỉnh về việc báo cáo thống kê đội ngũ cán bộ công chức năm 2012; UBND huyện đề nghị Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn báo cáo bằng văn bản về thống kê đội ngũ cán bộ, công chức năm 2012 thuộc thẩm quyền quản lý của mình, tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo nội dung sau:

1. Đối với báo cáo thống kê số lượng, chất lượng công chức cấp huyện thực hiện theo Biểu mẫu số 01 (viết tắt là BM01/BNV); đối với thống kê số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo Biểu mẫu số 02 (viết tắt là BM02/BNV) ban hành kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BNV;

2. Đối với báo cáo thống kê danh sách và tiền lương công chức từ cấp huyện thực hiện theo Biểu mẫu số 03 (viết tắt là BM03/BNV); danh sách và tiền lương cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo Biểu mẫu số 04 (viết tắt là BM04/BNV) ban hành kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BNV.

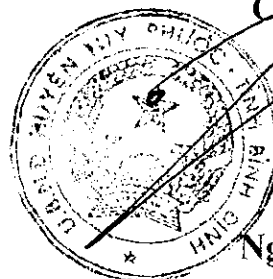
Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn gửi báo cáo về UBND huyện thông qua Phòng Nội vụ huyện **trước ngày 10 tháng 5 năm 2013**, đồng thời gửi kèm file điện tử báo cáo theo địa chỉ Email: leanhtanbd@gmail.com để tổng hợp trình UBND huyện xem xét, báo cáo Sở Nội vụ tỉnh theo quy định.

Nhận được công văn này đề nghị Thủ trưởng các phòng ban, Chủ tịch UBND xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện. / *Nghị*

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT. *nh*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Huệ

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC TỪ CẤP HUYỆN NĂM 2012

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số thứ tự	Tên đơn vị	Tổng số biên chế được giao	Tổng số công chức hiện có	Trong đó							Chia theo ngạch công chức											Chia theo trình độ đào tạo											Chia theo độ tuổi						Ghi chú				
				Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	CVCC và TB	CVC và TB	CV và TB	CS và TB	Nhân viên	Chuyên môn					Chính trị			Tin học			Ngoại ngữ		Chứng chỉ tiếng dân tộc	Quản lý nhà nước			Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60										
													Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Tiếng Anh		Ngoại ngữ khác	Ngạch CVCC và tương đương	Ngạch CVC và tương đương				Ngạch CV và tương đương	Tổng số	Nữ từ 51 đến 55	Nam từ 56 đến 60							
																									Đại học trở lên												Chứng chỉ (A,B,C)	Đại học trở lên		Chứng chỉ (A,B,C)			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39			

Tổng số:

..... ngày tháng năm 2013

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Ký, họ tên)

Ghi chú:

- Cột B (đơn vị công tác): ghi danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc huyện.
- Cột 1 (tổng số biên chế được giao): ghi tổng số biên chế được giao của đơn vị báo cáo trực tiếp tính đến thời điểm báo cáo
- Cột 2 (tổng số): ghi tổng số công chức hiện đang công tác tại đơn vị báo cáo trực tiếp;
- Cột 24 (đại học trở lên): ghi những người có trình độ tiếng Anh học ĐII, trên ĐH ở nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc có bằng ĐH và trên ĐH ở Việt nam học bằng tiếng Anh.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2012

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số thứ tự	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó				Chức danh	Chia theo trình độ đào tạo														Chia theo độ tuổi							Ghi chú												
			Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo		Cán bộ cấp xã	Công chức chuyên môn	Chuyên môn, nghiệp vụ						Loại văn phổ thông		Chính trị			Tin học		Ngoại ngữ		Quản lý nhà nước			Chia theo độ tuổi													
										Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Trung học phổ thông	Trung học cơ sở	Tiểu học	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ							Tiếng Anh		Ngoại ngữ khác								
																									Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)	Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)		Chứng chỉ tiếng dân tộc	CVC và tương đương	CV và tương đương	Chưa qua đào tạo	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Tổng số	Nữ từ 51 đến 55	Nam từ 56 đến 60	Trên tuổi nghỉ hưu	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	

Tổng số:

....., ngày .. tháng .. năm 2013

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột B (đơn vị công tác): ghi rõ tên đơn vị
- Cột số 6 (chức danh): ghi rõ cán bộ bầu cử kiêm nhiệm chức danh công chức chuyên môn (ví dụ Phó Chủ tịch UBND xã kiêm Trường Công an...)
- Cột 38 (Công chức luân chuyển từ cấp huyện): ghi rõ tổng số công chức cấp huyện luân chuyển về xã trong năm báo cáo.

BÁO CÁO DANH SÁCH VÀ TIỀN LƯƠNG CÔNG CHỨC TỪ CẤP HUYỆN NĂM 2012

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Phụ cấp					Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Chức vụ	Trách nhiệm	Khu vực	Phụ cấp vượt khung	Tổng phụ cấp theo phần trăm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

Tổng số:

....., ngày tháng năm 2013

Người lập bảng
(ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

- Ghi chú:** - Cột 6 (Đơn vị công tác): ghi rõ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc huyện, thị xã, thành phố.
 - Cột 14 (tổng phụ cấp theo phần trăm): là tổng các khoản phụ cấp của cột (10); cột (11); cột (12) và cột (13).

BÁO CÁO DANH SÁCH VÀ TIỀN LƯƠNG CÁ NHÂN, CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2012

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức vụ, chức danh	Mức lương hiện hưởng		Phụ cấp					Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Bậc lương hiện hưởng	Chức vụ	Trách nhiệm	Khu vực	Phụ cấp vượt khung	Tổng phụ cấp theo phần trăm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

Tổng số:

..... ngày tháng năm 2013

Người lập bảng

(ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Cột 6 (Đơn vị công tác): ghi rõ xã, phường, thị trấn.

- Cột 14 (tổng phụ cấp theo phần trăm): là tổng các khoản phụ cấp của cột (10); cột (11); cột (12) và cột (13).